**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN**

**Nghị quyết Quốc hội về phổ cập**

**giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi**

Ngày 26/6/2025, Quốc hội Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 đã thông qua [Nghị quyết 218/2025/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-quyet-218-2025-QH15-pho-cap-giao-duc-mam-non-cho-tre-em-tu-3-den-5-tuoi-631956.aspx)về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 26/6/2025.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đề ra mục tiêu: *“Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục”.*

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Ban chấp hành Trung ương ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: *“Từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi”.*

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: “*hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*, đồng thời yêu cầu *“yêu cầu Ðảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ; các Bộ, ngành; tỉnh uỷ, thành uỷ; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ các cấp khẩn trương thực hiện Nghị quyết”.*

Luật Giáo dục (Điều 14) quy định: “Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi”; Điều 23 quy định: “Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam”.

Luật Trẻ em (Điều 15 - 19) quy định: “Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện; Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục”.

**2. Cơ sở thực tiễn, căn cứ khoa học và kinh nghiệm nước ngoài**

*2.1. Cơ sở thực tiễn*

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển Giáo dục mầm non (viết tắt là GDMN), trong thời gian qua, GDMN đã nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều thành tựu. Mạng lưới cơ sở GDMN phát triển rộng, khắp đến tất cả các xã phường, thôn bản trên cả nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường, các điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ; chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên.

Hằng năm, có trên 5,1 triệu trẻ mầm non (Trong đó có: 4.556.771 trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi) được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại 15.256 trường mầm non và 17.444 cơ sở GDMN độc lập; tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ đạt 34,6%, tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo đạt 93,6%.

Tuy nhiên, GDMN vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức lớn như: còn một số lượng khá lớn trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi (chủ yếu là trẻ em ở vùng khó khăn, trẻ em đối tượng yếu thế) chưa được tiếp cận với giáo dục mầm non tạo sự mất công bằng trong tiếp cận giáo dục[[1]](#footnote-1). Các điều kiện đảm bảo chất lượng GDMN còn hạn chế[[2]](#footnote-2). Chính sách hiện hành dành cho trẻ em mầm non, giáo viên, cơ sở giáo dục, cơ chế, chính sách đầu tư, xã hội hoá giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non.

*2.2. Căn cứ khoa học, kinh nghiệm nước ngoài*

- Các nghiên cứu về GDMN trên thế giới đều có chung kết luận rằng đảm bảo tiếp cận công bằng với GDMN có chất lượng là một trong những khoản đầu tư quan trọng nhất của xã hội. Trẻ em độ tuổi mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi ra lớp là phù hợp nhu cầu học tập, giao tiếp và phát triển. Không đầu tư vào giai đoạn đầu đời là nguyên nhân trẻ em có sức khỏe kém, ít kỹ năng học tập hơn, tỷ lệ bỏ học cao hơn ở cấp học tiếp theo. Việc này còn dẫn tới một nền kinh tế yếu hơn và gia tăng gánh nặng lên các hệ thống y tế, giáo dục và phúc lợi.

- Việc thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non, trẻ em mẫu giáo (sau đây viết tắc là PCGDMNTEMG) đã được triển khai thực hiện ở các nước với những điều kiện kinh tế xã hội khác nhau. Trên thế giới, và trong khu vực châu Á có nhiều quốc gia tỷ lệ ra lớp của trẻ MG 3-5 tuổi từ 96% đến 100%[[3]](#footnote-3); các quốc gia, vùng lãnh thổ có chất lượng PCGDMNTMG tốt nhất đều có các chính sách phù hợp để hỗ trợ trẻ mẫu giáo, không phân biệt trẻ học tại cơ sở GDMN công lập hay ngoài công lập, đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng yếu thế. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên là nhân tố cốt yếu để đảm bảo chất lượng phổ cập, nhiều quốc gia đã đưa ra các chính sách ưu tiên nhằm phát triển, thu hút, chuẩn bị, hỗ trợ và giữ chân đội ngũ.

Hiện nay, Luật Giáo dục chỉ quy định về phổ cập cho trẻ 5 tuổi, để thực hiện PCGDMNTMG cần sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục. Tuy nhiên, việc sửa đổi Luật cần thời gian đánh giá toàn diện để giải quyết nhiều nội dung phức tạp, trong khi yêu cầu hoàn thành mục tiêu PCGDMNTMG đã được đặt ra tại Nghị quyết số 42-NQ/TW “*đến năm 2030* *hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*“, Kết luận số 91-KL/TW yêu cầu "*Từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi" (phổ cập đúng độ tuổi).* Việc ban hành Nghị quyết Quốc hội là cơ sở pháp lý giúp các địa phương sớm xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai PCGDMNTMG theo yêu cầu của Ban chấp hành Trung ương, qua đó: có thời gian chuẩn bị, đầu tư các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ, thực hiện phổ cập theo lộ trình phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính khả thi cho việc hoàn thành mục tiêu PCGDMNTMG vào năm 2030, từng bước hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non đúng độ tuổi cho trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và thực hiện mục tiêu "*hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2030*" trong bối cảnh hiện nay là cấp thiết và phù hợp với quy định của pháp luật tại Khoản 2, Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các chính sách đề xuất tại Nghị quyết không trái, không chồng chéo, không mâu thuẫn với các Luật hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

# 1. Mục đích ban hành văn bản

(1) Triển khai chủ trương, đường lối, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Ban chấp hành Trung ương, chỉ đạo của Chính phủ về Phổ cập giáo dục mẫu giáo trên phạm vi cả nước.

(2) Xây dựng hành lang pháp lý để huy động nguồn lực đầu tư đảm bảo các điều kiện thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

(3) Đảm bảo trẻ em mẫu giáo được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng; chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để vào lớp một, góp phần vào thực hiện quyền của trẻ em.

# 2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội phát triển GDMN, tạo cơ hội cho trẻ em mẫu giáo được tiếp cận với GDMN:

- Đảm bảo hệ thống chính sách, pháp luật, tạo sự đồng bộ, liên thông, tạo hành lang pháp lý cho việc đảm bảo chất lượng Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ. Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), biên giới, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các khu công nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục mầm non dân lập, tư thục, nhất là tại khu vực khu công nghiệp; kết nối các nguồn lực xã hội hỗ trợ GDMN vùng DTTS&MN, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

b) Phổ cập giáo dục mẫu giáo là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong GDMN nhằm chuẩn bị tốt cho trẻ em mẫu giáo vào lớp một đối với tất cả các vùng miền trong cả nước.

c) Việc chăm lo để mọi trẻ em mẫu giáo được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội.

d) Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non để góp phần tích cực cho việc nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định thực hiện phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; cơ chế, chính sách để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị, xã hội; tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp; tổ chức xã hội-nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục mầm non (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non có yếu tố nước ngoài), các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi.

**3. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi**

a) Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên phạm vi toàn quốc (sau đây gọi là Phổ cập giáo dục mẫu giáo).

b) Phấn đấu 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được công nhận đạt chuẩn về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2030 *(mức độ 1)*,đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non đúng độ tuổi cho trẻ em mẫu giáo *(mức độ 2)* vào năm 2035.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG NGHỊ QUYẾT**

Với quan điểm và mục đích nêu trên, Nghị quyết sẽ tập trung giải quyết 03 nhóm chính sách, cụ thể như sau:

**1. Chính sách 1: Ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở GDMN để được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo Chương trình GDMN**

***1.1. Mục tiêu của chính sách***

Hỗ trợ, khuyến khích để tăng tỷ lệ trẻ em mẫu giáo được tiếp cận với giáo dục mầm non có chất lượng, đặc biệt là trẻ em vùng DTTS&MN, vùng biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển; góp phần nâng cao chất lượng GDMN, đảm bảo quyền trẻ em.

***1.2. Nội dung của chính sách***

Thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo với các chính sách ưu đãi tốt hơn cho trẻ em thuộc đối tượng khó khăn, khuyến khích trẻ đến trường như: hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ khi đến trường. Đảm bảo các điều kiện tốt nhất để trẻ mẫu giáo được tiếp cận giáo dục sớm hơn, hỗ trợ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

***1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn***

Bổ sung chính sách ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo vùng khó khăn trong độ tuổi thực hiện phổ cập, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở GDMN để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN, cụ thể:

**Chính sách đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non**

(1) Bổ sung đối tượng trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em hợp pháp là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hỗ trợ chi phí học tập.

(2) Nâng mức hỗ trợ tiền ăn trưa so với quy định hiện hành cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

**2. Chính sách 2: Chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

***2.1. Mục tiêu của chính sách***

Khuyến khích, thu hút đội ngũ giáo viên mầm non, bảo đảm đội ngũ giáo viên mầm non để thực để thực hiện mục tiêu Phổ cập giáo dục mẫu giáo. Trước mắt, đảm bảo đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng cho công tác phổ cập. Đến năm 2030, bảo đảm đủ định mức số lượng giáo viên lớp mẫu giáo theo quy định.

***2.2. Nội dung của chính sách***

Bổ sung đội ngũ giáo viên thiếu cho các cơ sở GDMN để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo; phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non. Giải quyết các vấn đề về lương và hỗ trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ Phổ cập giáo dục mẫu giáo. Thúc đẩy các cơ chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ để thu hút, khuyến khích đội ngũ GVMN yên tâm công tác, gắn bó, tâm huyết với nghề.

***2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn***

*Quy định một số chính sách đặc thù để hỗ trợ, thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với giáo viên mầm non:*

- Trợ cấp thu hút tuyển dụng giáo viên mẫu giáo từ năm học 2025-2026 vào làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non có liên kết giáo dục và đào tạo với nước ngoài; cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài) thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Ưu tiêu, đầu tư và thu hút nguồn lực phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cấp học mầm non; bảo đảm đủ số lượng giáo viên mầm non theo định mức quy định bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Sau khi cân đối số biên chế hiện nay còn thiếu và số biên chế cần bổ sung do tăng quy mô để thực hiện Phổ cập với số biên chế dự kiến giao thêm giai đoạn 2026-2030 cho các tỉnh, thành phố thì cần đề nghị Bộ Chính trị bổ sung khoảng 21.427 chỉ tiêu biên chế.

**3. Chính sách 3: Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non**

***3.1. Mục tiêu của chính sách***

Tập trung tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chính sách đất đai, vay vốn tín dụng, ưu tiên cho thuê tài sản công; đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư xây dựng phát triển GDMN dân lập, tư thục, nhất là các cơ sở GDMN độc lập loại hình dân lập, tư thục tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư.

***3.2. Nội dung của chính sách***

Ưu tiên đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

***3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn***

Nhà nước ưu tiên có chương trình đầu tư để xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng yêu cầu phổ cập, trong đó ưu tiên đầu tư cho vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng DTTS&MN, vùng biên giới, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

**V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Về tính tương thích của các chính sách đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên**

Dự kiến các chính sách được đề xuất nêu trên trong Nghị quyết sẽ góp phần duy trì và thực hiện có hiệu quả Mục tiêu thiên niên kỉ (Mục tiêu 4.1); Công ước quốc tế về Quyền trẻ em.

**2. Về vấn đề bình đẳng giới**

Các chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Phổ cập giáo dục mẫu giáo không có tác động về giới, không tạo ra phân biệt đối xử, tạo sự bình đẳng về giới trong công tác giáo dục.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết**

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục mầm non trong phạm vi cả nước.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ GDĐT trong thời gian thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về Phổ cập giáo dục mẫu giáo trong phạm vi địa phương mình.

**2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị quyết**

*2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành*

Sau khi Nghị quyết được Quốc hội ban hành, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao nhiệm vụ cho Chính phủ chỉ đạo và phân công các Bộ, cơ quan ngang bộ tham mưu theo thẩm quyền để ban hành các văn bản quy định chi tiết và triển khai Nghị quyết đầy đủ, đúng tiến độ.

*2.2. Nguồn lực triển khai thực hiện Nghị quyết*

Trong quá trình xây dựng, đơn vị chủ trì soạn thảo bảo đảm thực hiện việc bố trí cán bộ, công chức tham gia xây dựng văn bản, bảo đảm thực hiện việc bố trí và sử dụng kinh phí xây dựng văn bản theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản pháp luật và các văn bản có liên quan.

Nhu cầu kinh phí bao gồm 3 phần chính:

(i) Kinh phí thực hiện chính sách đối với trẻ em mẫu giáo: 1.062 tỷ/năm.

- Hỗ trợ chi phí học tập: 86.581 trẻ x 150.000 x 9 tháng = 116,9 tỷ/năm.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa: 525.036 trẻ x 200.000 x 9 tháng = 945,1 tỷ/năm (Tăng mức hỗ trợ từ 10% lên 15% mức lương cơ sở (tức tăng lên 200.000 đồng/tháng so với mức cũ 160.000 đồng/tháng do mức lương cơ sở hiện nay tăng lên 2.340.000 đồng)[[4]](#footnote-4).

(ii) Kinh phí thu hút, ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non thực hiện nhiệm vụ phổ cập:

- Kinh phí hỗ trợ tuyển dụng giáo viên mẫu giáo: Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để thu hút giáo viên là: 47.949 GV x 58,97 triệu đồng = 2.827,6 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ CBQL, GV, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập: 381.575 người x 960.000 đồng x 9 tháng = 3.296,8 tỷ/năm.

(iii) Kinh phí chi đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi:

*\* Để đáp ứng nhu cầu so với quy mô thực trạng*

- Kiên cố hóa trường, lớp học: Xây dựng 24.228 phòng học cấp mầm non, thay thế các phòng học tạm thời (bao gồm: phòng học tranh tre, nứa lá, phòng học xây dựng tạm bằng các loại vật liệu khác); phòng học tạm, cấp 4 xuống cấp đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp, cần xây dựng lại; phòng học nhờ, mượn, thuê; với nhu cầu vốn khoảng ***26.651*** tỷ đồng.

- Xây dựng bổ sung đủ số phòng học trên lớp và số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học: Xây dựng 25.412 phòng học cấp học mầm non; với nhu cầu vốn khoảng ***27.953*** tỷ đồng;

- Xây dựng bổ sung 1.432 phòng học chức năng (giáo dục nghệ thuật, thể chất) bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục; với nhu cầu vốn khoảng ***873*** tỷ đồng;

- Xây dựng bổ sung thư viện: 11.149 phòng thư viện; với nhu cầu vốn khoảng ***6.800*** tỷ đồng;

- Bảo đảm điều kiện tối thiểu về trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu tối thiểu của chương trình giáo dục các cấp, nâng cao kỹ năng thực hành cho học sinh: bổ sung 48.805 bộ thiết bị dạy học tối thiểu; với nhu cầu vốn khoảng ***12.795,5*** tỷ đồng.

*Tổng kinh phí cần: 75.072,5 tỷ đồng*

*\* Để đáp ứng nhu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo giai đoạn 2026-2030*

Theo số liệu thống kê còn 300.000 trẻ em mẫu giáo chưa được đến trường, căn cứ vào tiêu chuẩn cơ sở vật chất và danh mục thiết bị tối thiểu của cấp học mầm non, để đáp ứng nhu cầu huy động số lượng trẻ em (nêu trên) đến trường để đạt mục tiêu phổ cập, nhu cầu cơ sở vật chất như sau:

- Bổ sung khoảng 12.000 phòng/lớp học, với nhu cầu kinh phí khoảng 13.200 tỷ đồng;

- Bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu; với nhu cầu kinh phí khoảng 3.600 tỷ đồng.

*Tổng kinh phí cần: 16.800 tỷ đồng.*

***Như vậy tổng kinh phí cần để thực hiện phổ cập cho trẻ từ 3-5 tuổi về lĩnh vực cơ sở vật chất để đảm bảo điều kiện tối thiểu theo quy định (chuẩn tối thiểu) là: 91.872,5 tỷ đồng (thời gian thực hiện 2026-2035).***

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành: nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên, nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án được phê duyệt hoặc chuẩn bị phê duyệt được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành. Ngân sách Trung ương hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách để thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này.

- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

*2.3. Nguyên tắc phân bổ và cơ chế quản lý tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện phổ cập*

a) Đối với nguồn vốn Ngân sách nhà nước

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách tại Khoản 1, 2 Điều 3 của Nghị quyết này, bao gồm chính sách đối với trẻ em và chính sách thu hút đội ngũ. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

*-* Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo theo nguyên tắc: phân bổ vốn ngân sách trung ương và cơ chế quản lý điều hành của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Việc hỗ trợ các địa phương bảo đảm theo các quy định hiện hành của nhà nước trong đó ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư với các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách để thực hiện;mức hỗ trợ được tính toán, xác định tùy theo điều kiện kinh tế- xã hội và khả năng cân đối ngân sách.

Ngân sách địa phương: Các địa phương chịu trách nhiệm thực hiện các mục tiêu phổ cập mẫu giáo; chủ động bố trí, phân bổ cho các dự án, công trình cụ thể. Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách địa phương để thực hiện theo các mục tiêu của phổ cập giáo dục mẫu giáo; đồng thời thực hiện mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non của địa phương.

b) Nguồn huy động khác

Các địa phương chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh kinh tế cụ thể để có hình thức huy động các nguồn lực cho phù hợp với từng đối tượng.

**3. Đánh giá tác động thủ tục hành chính**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị quyết Quốc hội không phát sinh thủ tục và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

1. Có gần 300.000 trẻ em MG chưa được đến trường, tập trung tại những nơi khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tỷ lệ phòng học kiên cố mới đạt 84,8%, còn 0,5% phòng học tạm và học nhờ/mượn gần 3.000 phòng. Riêng đối với các trường mầm non công lập tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 76,6%, các địa phương bố trí gần trên 2.500 phòng học nhờ. Giáo viên đạt 1,87 GV/lớp. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hàn Quốc, Đan Mạch, Pháp, Hà Lan, Anh, Na Uy đều có tỷ lệ ra lớp của trẻ MG 3-5 tuổi từ 96% đến 100%, và một số quốc gia đang phát triển như Jamaica có tỷ lệ tiếp cận GDMN cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi xấp xỉ 99%. Nhật Bản, Chính phủ cung cấp GDMN công lập miễn phí cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi từ năm 2019. Kể từ năm 2010, Trung Quốc đã ban hành Kế hoạch Quốc gia về Cải cách và Phát triển Giáo dục Trung và Dài hạn (2010-2020) đặt mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nâng mức hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách này đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 09/8/2020 về chính sách phát triển GDMN (hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học). [↑](#footnote-ref-4)